

Số: /2021/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, ban hành kèm theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 339/TTr-STNMT ngày 21 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*cụm từ Ủy ban nhân dân dưới đây viết tắt là UBND*):

1. Bổ sung Điều 5a như sau:

“Điều 5a. Về bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất còn lại ngoài ranh giới thu hồi của dự án có diện tích nhỏ, hẹp

1. UBND cấp huyện thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần diện tích đất còn lại ngoài ranh giới thu hồi của dự án có diện tích nhỏ, hẹp trong các trường hợp

a) Diện tích đất ở còn lại nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa theo quy định của UBND tỉnh hoặc các cạnh của thửa đất nhỏ, ngắn, hình thể thửa đất méo không thể tiếp tục xây dựng nhà ở;

b) Diện tích đất nông nghiệp còn lại nhỏ hơn quy định của UBND tỉnh về hạn mức tách thửa không thể tiếp tục sản xuất nông nghiệp hoặc không đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất;

c) Người bị thu hồi đất mà phần diện tích đất còn lại ngoài ranh giới thu hồi của dự án có diện tích nhỏ, hẹp được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này có đơn đề nghị Nhà nước thu hồi.

2. Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất đối với phần diện tích thuộc khoản 1 Điều này được tính trong kinh phí bồi thường của dự án đang triển khai thực hiện.

3. Quỹ đất sau thu hồi, UBND cấp huyện giao cho UBND cấp xã nơi có đất thu hồi để quản lý thực hiện giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 14a Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ).”

2. Sửa đổi khoản 1, Điều 11 như sau:

“1. Mức bồi thường nhà, công trình theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP bằng tổng giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại cộng với khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình đó. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình đó bằng 20% giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại. Nhưng mức bồi thường tối đa không lớn hơn 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

Trường hợp công trình xây dựng hợp pháp do các tổ chức sử dụng đất mà không có hồ sơ tài sản xác định thời gian xây dựng và giá trị còn lại trong quá trình sử dụng (có xác nhận của cơ quan tài chính và cơ quan thuế), thì UBND cấp huyện được thành lập Hội đồng đánh giá giá trị còn lại tài sản hoặc tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng thuê đơn vị tư vấn khảo sát, xác định giá trị hiện có của công trình xây dựng, trình cơ quan chuyên ngành cấp huyện để thẩm định, làm cơ sở lập và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Trong trường hợp này, khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình đó được tính bằng 0% (không phần trăm) giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại.”

3. Bổ sung Điều 11a như sau:

“Điều 11a. Bồi thường đối với tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn liền với đất đang sử dụng, quy định tại khoản 3 Điều 89 Luật Đất đai

1. Đối với tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn liền với đất đang sử dụng, là tài sản hợp pháp, đủ điều kiện được bồi thường bằng tiền tính bằng giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Đơn vị quản lý, sử dụng, khai thác hoặc chủ sở hữu công trình có trách nhiệm xây dựng mới, di chuyển công trình; nếu công trình không còn sử dụng thì không được bồi thường;

Trường hợp công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn liền với đất đang sử dụng mà chưa được xếp loại vào cấp tiêu chuẩn kỹ thuật thì cơ quan quản lý chuyên ngành xác định cấp tiêu chuẩn kỹ thuật để tính bồi thường.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng làm việc với đơn vị có tài sản, chủ đầu tư dự án và các cơ quan có liên quan để xác định hiện

trạng công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thống nhất hướng tuyến đối với công trình dạng tuyến. Trên cơ sở kết quả làm việc, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập hoặc thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân lập dự toán bồi thường công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Chi phí thuê tư vấn lập dự toán được tính trong kinh phí bồi thường của dự án đang triển khai thực hiện.

2. Trường hợp các đơn vị có tài sản có văn bản đề nghị được nhận bồi thường bằng hoàn trả công trình (thay việc nhận bồi thường bằng tiền theo quy định tại khoản 1 Điều này) thì thực hiện như sau

Giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt là kinh phí để Trung tâm Phát triển quỹ đất (đối với các huyện đã thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất) hoặc Ban Quản lý dự án xây dựng cấp huyện (đối với các huyện chưa thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất), tổ chức thực hiện di chuyển, xây dựng công trình và hoàn trả, bàn giao cho đơn vị có tài sản. Việc tổ chức di chuyển, xây dựng công trình phải thực hiện theo đúng trình tự, quy định về quản lý dự án đầu tư; tài sản thu hồi không còn dùng, được xử lý theo đúng các quy định hiện hành;

Trường hợp đơn vị có tài sản có nhu cầu bổ sung công năng, tăng dung lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật thì phần chi phí bổ sung tăng thêm đơn vị phải chi trả.

3. Phương án Bồi thường đối với tài sản là công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn liền với đất đang sử dụng gửi Sở chuyên ngành để thẩm định trước khi trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 28 Quy định này.

4. Đối với các dự án theo tuyến liên quan đến nhiều địa bàn cấp huyện, việc di chuyển các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn liền với đất đang sử dụng phải thực hiện đồng bộ.

5. Quá trình tiến hành khảo sát lập thiết kế cơ sở và dự án đầu tư, Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các đơn vị quản lý chuyên ngành hoặc đơn vị sở hữu của các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cần di dời về phạm vi, ranh giới dự kiến thu hồi đất, hành lang bảo vệ công trình (nếu có) và các hồ sơ liên quan để cùng chuẩn bị kế hoạch, nguồn vốn, phương án, thống nhất vị trí, hướng tuyến di dời đến để thực hiện việc di dời.”

4. Bổ sung Điều 11b như sau:

“Điều 11b. Bồi thường các công trình kiến trúc có tính đặc thù của lực lượng vũ trang và công trình công cộng

1. Đối với công trình của lực lượng vũ trang có tính đặc thù riêng như: lô cốt, bốt gác, hầm hào, công sự, vv... mức bồi thường bằng tiền tính bằng giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật cùng cấp (theo tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành); nếu công trình không còn sử dụng thì không được bồi thường.

2. Đối với công trình công cộng hợp pháp, được xây dựng bằng vốn của tập thể hay do nhân dân đóng góp thì được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương (theo tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành) tại thời điểm bồi thường.

3. Đối với công trình công cộng khi xây dựng có sự tham gia bằng ngày công, vật tư và tiền của nhân dân thì Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét mức bồi thường cụ thể phù hợp với số ngày công, vật tư và tiền đóng góp của nhân dân.”

5. Bổ sung Điều 13a như sau:

“Điều 13a. Bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất khi Nhà nước thực hiện các công trình công cộng

Nhà, công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hợp pháp, nằm ngoài ranh giới thu hồi đất (trước khi thực hiện dự án nhà, công trình vẫn đang được sử dụng bình thường), bị ảnh hưởng bởi dự án thì được xử lý như sau:

1. Trường hợp làm mất an toàn cho nhà, công trình thì phải có giải pháp đầu tư xây dựng để đảm bảo an toàn cho nhà, công trình. Trường hợp không có giải pháp đảm bảo an toàn cho nhà, công trình thì chủ đầu tư dự án điều chỉnh thiết kế, cập nhật quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, UBND cấp huyện lập biên bản xác nhận sự việc (có sự xác nhận của các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã, chủ đầu tư dự án và các hộ dân liên kề), thực hiện thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành tại thời điểm thu hồi đất.

2. Trường hợp làm mất đường đi của chủ sở hữu nhà, công trình thì phải làm lại đường đi. Trường hợp không khắc phục được đường đi (có sự xác nhận của các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã, chủ đầu tư dự án và các hộ dân liên kề), thì chủ đầu tư dự án điều chỉnh thiết kế, cập nhật quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, UBND cấp huyện thực hiện thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành tại thời điểm thu hồi đất.

3. Trường hợp công trình gây ngập úng hoặc làm ngăn cản hệ thống thoát nước, làm giảm chất lượng nhà, công trình và cây trồng thì được bồi thường phần tài sản, cây trồng thực tế bị thiệt hại và chủ đầu tư phải xử lý chống ngập úng. Trường hợp không khắc phục được (có sự xác nhận của các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã, chủ đầu tư dự án và các hộ dân liên kề), thì UBND cấp huyện thực hiện thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành tại thời điểm thu hồi đất.”

6. Sửa đổi Điều 15 như sau:

“Điều 15. Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 91 Luật Đất đai như sau

Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản là hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất và tài sản hợp pháp có thể tháo rời và di chuyển được thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ biên bản điều tra hiện trạng, có xác nhận của UBND cấp xã nơi có đất thu hồi, để thuê Đơn vị tư

vấn có tư cách pháp nhân lập dự toán tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt lại (bao gồm cả mức thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất). Chi phí thuê tư vấn lập dự toán được tính trong kinh phí bồi thường của dự án đang triển khai thực hiện.

Phương án bồi thường chi phí di chuyển trình cơ quan chuyên ngành cùng cấp thẩm định, trình UBND cùng cấp phê duyệt theo quy định tại Điều 28 của Quy định này.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP

1. Việc hỗ trợ ổn định đời sống cho các đối tượng quy định tại điểm 1 khoản 5 Điều 4, mà đủ các điều kiện quy định tại điểm 2 khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, thì được thực hiện theo quy định sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì mức hỗ trợ là 24 tháng;

Đối với trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng;

Đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng: Được hỗ trợ trong thời gian 3 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở; Được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở;

b) Diện tích đất thu hồi quy định tại điểm a khoản này được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của UBND cấp có thẩm quyền;

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương;

Giá gạo trung bình được ban hành định kỳ hàng quý. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan, định kỳ vào tháng cuối quý tiến hành khảo sát giá gạo trên thị trường, tính toán xác định giá gạo trung bình của quý tiếp theo, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt, để làm căn cứ tính và lập phương án hỗ trợ ổn định đời sống.

2. Việc hỗ trợ ổn định sản xuất thực hiện theo quy định sau

Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại tiết b điểm 4

khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền, với mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng quy định tại các tiết d, đ và e, điểm 1, khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, thì được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo hình thức bằng tiền.

4. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (được quy định tại tiết g điểm 1, khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP), thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động. Thời gian trợ cấp bằng 06 tháng.”

8. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2, Điều 19 như sau:

“Điều 19. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c, khoản 1 và khoản 2 Điều 29 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền, thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây

a) Đối với khu vực đô thị (gồm các phường thuộc thành phố Hòa Bình):

- Hỗ trợ bằng 2 (hai) lần giá đất nông nghiệp đối với đất rừng sản xuất;
- Hỗ trợ bằng 3,5 (ba phẩy năm) lần giá đất nông nghiệp đối với đất trồng màu, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản;
- Hỗ trợ bằng 4 (bốn) lần giá đất nông nghiệp đối với đất trồng lúa (đất trồng lúa 01 vụ và đất trồng lúa 02 vụ lúa trở lên).

b) Đối với các xã, thị trấn còn lại (không bao gồm các phường được quy định tại điểm a khoản này)

- Hỗ trợ bằng 02 (hai) lần giá đất nông nghiệp đối với đất rừng sản xuất;
- Hỗ trợ bằng 2,5 (hai phẩy năm) lần giá đất nông nghiệp đối với đất trồng màu, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản;
- Hỗ trợ bằng 3 (ba) lần giá đất nông nghiệp đối với đất trồng lúa (đất trồng lúa 01 vụ và đất trồng lúa 02 vụ lúa trở lên);

c) Diện tích đất được hỗ trợ quy định tại điểm a, b khoản này không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai và quy định của UBND tỉnh Hòa Bình. Giá đất để tính hỗ trợ, được tính theo giá đất nông nghiệp tương ứng từng loại đất trong bảng giá đất của năm hiện hành do UBND tỉnh Hòa Bình ban hành.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 01 lần giá đất nông nghiệp cùng loại bị thu hồi;

Diện tích đất được hỗ trợ nêu trên không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai và quy định của UBND tỉnh.”

9. Bổ sung khoản 1a và khoản 4a tại Điều 23 như sau:

“1a. Hỗ trợ cho các hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật, đối với các thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với loại đất 01 vụ lúa/năm hoặc lúa, màu/năm, hoặc các thửa đất đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được thể hiện trên Bản đồ địa chính hoặc các loại giấy tờ hợp pháp khác, nhưng thực tế đã sử dụng để trồng cây 02 vụ lúa/năm từ tối thiểu 03 năm trở lên (có xác nhận của UBND cấp xã nơi có đất thu hồi), nhưng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chưa cập nhật, chính lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mức hỗ trợ bằng mức chênh lệch hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm giữa 02 loại đất nêu trên.”

“4a. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới cho các hộ phải di chuyển chỗ ở như sau:

- Bằng 1.000.000 đồng/tháng/hộ độc thân;
- Bằng 600.000 đồng/khẩu/tháng cho các hộ có từ 02 nhân khẩu trở lên;
- Thời gian hỗ trợ bằng 06 tháng.”

10. Bãi bỏ Điều 25.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2021.

Các nội dung khác không sửa đổi tại Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND tỉnh Hòa Bình.

Trường hợp các hạng mục công trình, dự án đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục

thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Quyết định này.

Trường hợp các quy định pháp luật đã quy định cụ thể mà Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND tỉnh Hòa Bình và Quyết định này chưa nêu cụ thể thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVB QPPL/Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh Hòa Bình;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM (PMD).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh